

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-PT

Ngày 02/3/2021

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Thanh

Ông Lê Vũ Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Trần Hữu Thọ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 106/2020/HNGĐ-ST ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: D11/14A Ấp F, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Đình T.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn, Anh Lê Đình T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2020, bản tự khai ngày 23/7/2020 và biên bản hòa giải ngày 26/8/2020, Chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và Anh Lê Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên

Huế vào ngày 25/5/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường hay cãi vã, anh T thường xuyên nhậu nhẹt không quan tâm gì cho gia đình, vợ con, tuy sống chung một nhà nhưng không quan tâm gì cho nhau, việc ai nấy làm. Bản thân chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Lê Đình T.

- Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 02 người con chung tên là Lê Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 09/8/2008 và Lê Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 29/4/2010. Nếu ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng mỗi cháu là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Theo chị H trình bày thì từ sau khi nộp đơn yêu cầu xin ly hôn anh T đến Tòa án, chị H đã đưa cả hai con vào thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống cùng với bố mẹ của chị H, chị H đã làm thủ tục nhập học cho các con. Hiện chị H đang làm nghề buôn bán, thu nhập mỗi tháng khoảng 6 triệu đồng nên đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 11/8/2020 và biên bản hòa giải ngày 26/8/2020, Anh Lê Đình T trình bày:

- Về hôn nhân: Giữa Anh Lê Đình T và Chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Phía anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên theo anh T thì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn anh T thì anh T không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H để vợ chồng được đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 02 người con chung tên là Lê Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 09/8/2008 và Lê Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 29/4/2010. Anh T không đồng ý giao cả hai con cho chị H nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được quyền nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh T đang làm nghề buôn bán thu nhập (theo anh T khai) mỗi tháng từ 5 – 6 triệu đồng nên đủ khả năng để nuôi dưỡng các con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số: 106/2020/HNGĐ-ST ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã quyết định:

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35 và Điều 39, Điều 227, khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng dân

sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với Anh Lê Đình T.

2. Về con chung: Giao cả hai con Lê Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 09/8/2008 và Lê Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 29/4/2010 cho Chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi; Anh Lê Đình T phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/11/2020, Anh Lê Đình T có đơn kháng cáo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 106/2020/HNGĐ-ST ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận đơn ly hôn của Chị Nguyễn Thị Thanh H để vợ chồng được đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung trưởng thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các bên đương sự đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải khắc phục. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn đúng chủ thể và có nội dung phù hợp theo quy định tại Điều 271 và Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự; mặc dù đơn kháng cáo của anh T quá thời hạn kháng cáo nhưng anh T đã cung cấp được chứng cứ chứng minh vì lý do khách quan nên đã được Tòa án chấp nhận và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn giữ nguyên

nội dung đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Xét nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Anh Lê Đình T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị Thanh H và Anh Lê Đình T là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên tính tình không hợp nhau, thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Tại phiên tòa, anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con và trong cách quản lý chi tiêu, sinh hoạt hàng ngày trong gia đình. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, tình cảm của anh T với chị H vẫn còn, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H để vợ chồng được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh T không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị H vẫn yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tại biên bản xác minh ngày 17/9/2020 tại UBND xã V, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đại diện chính quyền địa phương đã cung cấp:

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T là do tính tình không hợp, thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống, gia đình hai bên đã có tổ chức hòa giải cho vợ chồng anh T, chị H nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân nhau. Sau khi vợ chồng sống ly thân thì chị H đã đưa cả hai con vào thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống cho đến nay.

Theo các tài liệu, chứng cứ mà chị H cung cấp thì từ ngày 21/8/2020 chị H cùng các con đã đến tạm trú tại xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được. Vợ chồng họ đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét việc chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp nhận cho họ được ly hôn là có cơ sở.

- Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 02 người con chung tên là Lê Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 09/8/2008 và Lê Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 29/4/2010. Tại bản tự khai ngày 23/7/2020, các cháu T1, T2 đều có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Tại phiên tòa, bị đơn cũng trình bày nguyện vọng muốn hai cháu được sống gần với nhau trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, đề nghị giao cho bố hoặc giao cho mẹ nuôi cả hai cháu. Xét nguyện vọng của bị đơn là hợp lý và phù hợp với điều kiện môi trường phát triển của các cháu nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận.

Tại 02 bản sao đơn xin chuyển trường do chị H cung cấp cho Tòa án thể hiện hai cháu Lê Nguyễn Bảo T2 và Lê Nguyễn Khánh T1 đã được tiếp nhận đến học tại các trường trên địa bàn huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại biên bản xác minh ngày 17/9/2020 tại UBND xã V, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đại diện chính quyền địa phương cung cấp anh T đang làm nghề buôn bán (thuê nhà để bán quán nhậu) thu nhập đảm bảo cuộc sống. Các bên đương sự đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét trong cuộc sống hàng ngày anh T ít có điều kiện chăm sóc con chung. Chị H có công việc ổn định, thu nhập đảm bảo cuộc sống. Mặt khác hiện cả hai cháu T1, T2 đang ở với chị H, cuộc sống, học tập đã ổn định. Để tránh việc xáo trộn cuộc sống sinh hoạt và học tập của các cháu, Tòa án cấp sơ thẩm giao cả hai cháu cho chị H nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp nguyện vọng của các cháu và nguyện vọng của các đương sự, phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của Anh Lê Đình T mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Đình T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn là Anh Lê Đình T.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 106/2020/HNGĐ-ST ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: D11/14A Ấp F, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh;

+ Bị đơn: Anh Lê Đình T.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc Anh Lê Đình T phải chịu 300.000 đồng về án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng, Biên lai thu tiền số: 0000753 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh T đã nộp đủ.

Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, Tổ HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hưng Bính